

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST

Ngày: 07-10-2019

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 01 và ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1972; Ngụ tại: Khu phố B, thị trấn E, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Đồng Thị M, sinh năm 1978; Ngụ tại: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông T) trình bày:*

Năm 2018 bà M có khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Vào ngày 16/3/2018 ông T và bà M đã thỏa thuận tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng như sau: Ông T đồng ý giao nhà và đất cho bà M quản lý, sử

dụng phần đất có diện tích 710m², thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01148 cấp ngày 10/6/2011 do ông Trương Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời bà M phải thanh toán cho ông T số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 15/02/2019.

Sau khi thỏa thuận xong thì ông T ký giấy tờ để chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà M và đợi đến ngày 15/02/2019 bà M thanh toán tiền. Đến ngày 15/02/2019 ông T yêu cầu bà M thanh toán số tiền 100.000.000 đồng như biên bản làm việc tại Tòa nhưng bà M không chịu thanh toán. Nên ông T khởi kiện.

Nay ông T yêu cầu bà M thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà M thì ông T không đồng ý thanh toán số tiền 35.000.000 đồng. Do khoảng tháng 8/2015 ông T và bà M có đến Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng vay số tiền là 70.000.000 đồng. Số tiền này ông và bà M sử dụng vào việc mua chiếc xe tải 05 tấn hiệu Rino để làm ăn. Do xe cũ nên không làm đăng ký giấy tờ xe. Khi vợ chồng mâu thuẫn, ông T bỏ đi và để lại toàn bộ tài sản cho bà M. Khi ly hôn, chiếc xe không đáng giá bao nhiêu nên ông không kê khai vào tài sản. Sau đó, chiếc xe này bà M đã bán.

Tại phiên tòa, ông T thừa nhận sau khi mua xe thì xe bị tai nạn nên đã bán được với giá là 30.000.000 đồng và số tiền này ông đã giao toàn bộ cho bà M.

Ngoài ra, ông T không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 09/4/2019, đơn phản tố ngày 17/4/2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn (bà M) trình bày:*

Bà M thừa nhận vào ngày 16/3/2018 bà M và ông T có thỏa thuận vấn đề tài sản chung như sau: Bà M được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 710m², thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01148 cấp ngày 10/6/2011 do ông Trương Văn T đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 15/02/2019. Tuy nhiên khi thỏa thuận bà M không yêu cầu giải quyết đối với số tiền vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng là 70.000.000 đồng. Nên khi hai bên thỏa thuận về tài sản thì không giải quyết đối với số tiền nợ ngân hàng.

Số tiền 70.000.000 đồng vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng bà M đã trả xong vào năm 2017, khi đó bà và ông T đã ly hôn. Tiền vay ngân hàng bà đã trả xong và bà yêu cầu ông T trả lại cho bà số tiền là 35.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu bà thanh toán số tiền 100.000.000 đồng thì bà đồng ý. Tuy nhiên, bà yêu cầu được khấu trừ vào số tiền vay ngân hàng mà bà đã trả là

70.000.000 đồng : 2 = 35.000.000 đồng. Bà M đồng ý thanh toán cho ông T số tiền là 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà M xác định số tiền 70.000.000 đồng vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng dùng để mua xe tải với giá 75.000.000 đồng. Sau đó xe tải đã bán và ông T đã đưa lại cho bà số tiền là 30.000.000 đồng. Số tiền này bà dùng vào việc đầu tư hùn mua một chiếc xe khác để làm ăn riêng.

Ngoài ra, bà M không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Văn T khởi kiện yêu cầu bà Đồng Thị M thanh toán số tiền nợ theo biên bản làm việc thỏa thuận chia tài sản ngày 16/3/2018. Bà M phản tố yêu cầu ông T trả lại số tiền mà bà đã đứng ra thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T:

Ông T yêu cầu bà M thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền là do hai bên thỏa thuận chia tài sản chung là căn nhà và đất có diện tích 710m², thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CH01148 cấp ngày 10/6/2011 do ông Trương Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Bà M được quyền quản lý và sử dụng tài sản trên, đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền là 100.000.000 đồng. Sau khi hai bên lập biên bản làm việc thì ngày 16/5/2018 ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ là ký văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05320 ngày 12/6/2018 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đồng Thị M. Tuy nhiên bà M không thanh toán số tiền 100.000.000 đồng như biên bản làm việc ngày 16/3/2018 nên ông T khởi kiện. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà M thừa nhận và đồng ý thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng nên ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bà M:

Bà M yêu cầu ông T thanh toán số tiền 35.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là bà và ông T vay 70.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng. Sau khi bà M và ông T ly hôn thì bà đứng ra trả số nợ này. Khi hai bên thỏa thuận chia tài sản thì số nợ này vẫn chưa thỏa thuận về số nợ này. Trước yêu cầu phản tố của bà M, ông T không đồng ý. Ông T thừa nhận số tiền vay ngân hàng Nông nghiệp 70.000.000 đồng là do bà M đứng ra thanh toán. Nhưng sau đó hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong. Tuy nhiên ông T không có chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận này. Đồng thời Tòa án đã thu thập hồ sơ giải quyết sơ thẩm thụ lý số 474/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn giữa nguyên đơn bà Đồng Thị M và bị đơn Nguyễn Văn T thì theo đơn khởi kiện bà M có yêu cầu chia số tiền 70.000.000 đồng vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Dầu Tiếng, tuy nhiên trong toàn bộ hồ sơ không có sự thỏa thuận giữa ông T và bà M về số tiền này. Sau đó bà M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đình chỉ vụ án. Mặc khác, tại phiên tòa, cả ông T và bà M đều thừa nhận sau khi vay 70.000.000 đồng thì mua chiếc xe ô tô tải với giá 75.000.000 đồng. Sau đó chiếc xe bị tai nạn nên ông T bán cho người khác và giao lại cho bà M số tiền là 30.000.000 đồng. Bà M đã sử dụng số tiền này vào việc riêng của bà. Hội đồng xét xử xét thấy cần trừ số tiền 30.000.000 đồng mà bà M đã nhận vào số tiền vay (70.000.000 đồng – 30.000.000 đồng = 40.000.000 đồng). Như vậy ông T còn có trách nhiệm thanh toán cho bà M số tiền là 20.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu phản tố của bà M là có cơ sở chấp nhận một phần.

[4] Đối trừ nghĩa vụ cho nhau: $100.000.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$. Vậy bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bị đơn là 20.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 100.000.000 đồng và phần yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp đòi tài sản” của ông Trương Văn T đối với bà Đồng Thị M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố về việc “Tranh chấp đòi tài sản” của bà Đồng Thị M đối với ông Trương Văn T.

Buộc bà Đồng Thị M có trách nhiệm thanh toán cho ông Trương Văn T 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đồng Thị M không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đồng Thị M phải chịu 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031489 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Bà M phải nộp tiếp 4.875.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Trương Văn T chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031336 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Hoàn lại cho ông T số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

